

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức hao phí tạm thời đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự theo quy chuẩn QCVN 43:2011/BTTTT

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Quyết định số 1445/QĐ-BTTTT ngày 21/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông trực thuộc Cục Viễn thông;

Xét Phiếu trình số 14/PTr-TNHC ngày 10/03/2025 của Phòng Thử nghiệm và Hiệu chuẩn về việc xây dựng mức hao phí tạm thời đo kiểm thiết bị lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự theo quy chuẩn QCVN 43:2011/BTTTT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thử nghiệm và Hiệu chuẩn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức hao phí tạm thời đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất theo quy chuẩn QCVN 43:2011/BTTTT - “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự”, chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Mức hao phí này làm cơ sở cho việc xây dựng mức thu tạm thời đo kiểm thiết bị đầu thông tin lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Phụ trách kế toán, Trưởng phòng Thử nghiệm và Hiệu chuẩn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- PCT Nguyễn Anh Cương (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, TNHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Ngọc Dũng

PHỤ LỤC
MỨC HAO PHÍ TẠM THỜI ĐO KIỂM THIẾT BỊ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN LƯU
ĐỘNG MẶT ĐẤT CÓ ĂNG TEN RỜI DỪNG CHO THOẠI TƯƠNG TỰ THEO
QCVN 43:2011/BTTTT

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTĐLCL ngày / /2025
của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông)*

PHẦN I - QUY ĐỊNH CHUNG

Hao phí tạm thời đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dưng cho thoại tương tự là hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và máy đo để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất.

Hao phí tạm thời này được xây dựng dựa trên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 43:2011/BTTTT - “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dưng cho thoại tương tự” dựa trên thực tế công tác đo kiểm, trang thiết bị hiện có của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông.

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Hao phí tạm thời này áp dụng cho việc đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dưng cho thoại tương tự tại Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông.

II. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

Hao phí tạm thời này áp dụng thống nhất trong Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông, làm cơ sở để: lập mức thu tạm thời đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất; thẩm tra, xét duyệt và thanh quyết toán công tác đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất.

Hao phí tạm thời được xây dựng trên cơ sở phương pháp đo có khối lượng công việc tối thiểu được quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 43:2011/BTTTT. Trường hợp những loại công tác đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông có yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thực thi khác với những quy định trong định mức này thì lập hao phí bổ sung, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Hao phí tạm thời này chưa bao gồm công di chuyển người, thiết bị (bằng ô tô, tàu hoả, máy bay...) và các hao phí phát sinh khác trong quá trình đo kiểm.

III. NỘI DUNG HAO PHÍ

1. Kết cấu

Hao phí tạm thời đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông gồm 2 mục: hao phí trực tiếp đối với thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dưng cho thoại tương tự ở điều kiện thường và điều kiện tới hạn.

2. Các thành phần hao phí

2.1. Mức hao phí vật liệu

Là mức quy định về sử dụng vật liệu cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dưng cho thoại tương tự ở điều kiện thường và điều kiện tới hạn.

2.2. Mức hao phí lao động

Là số công lao động quy định để hoàn thành khối lượng công việc đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự ở điều kiện thường và điều kiện tới hạn.

2.3. Mức hao phí máy đo

Là mức quy định số ca máy đo trực tiếp phục vụ công tác đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự ở điều kiện thường và điều kiện tới hạn.

PHẦN II - HAO PHÍ TẠM THỜI ĐO KIỂM THIẾT BỊ VÔ TUYẾN LƯU ĐỘNG MẶT ĐẤT CÓ ĂNG TEN RỜI DÙNG CHO THOẠI TƯƠNG TỰ THEO QUY CHUẨN QCVN 43:2011/BTTTT

Hao phí trực tiếp đối với thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự ở điều kiện thường:

Tên sản phẩm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự (Điều kiện thường)	Vật liệu		
	Giấy A4	Ream	0.160
	Mực in	Ream	0.160
	Điện (thực hiện đo kiểm)	kWh	2.121
	Điện (vận hành điều hòa nhiệt độ)	kWh	12.916
	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	công	0.552
	Kỹ sư bậc 5/9	công	0.042
	Ca máy		
	Máy tính chuyên dụng	ca	0.156
	Máy in	ca	0.000
	Thiết bị đo vô tuyến và audio CMA180	ca	0.260
	Máy tạo tín hiệu vector	ca	0.125
	Máy tạo tín hiệu liên tục CW	ca	0.073
	Bộ anten thu	ca	0
	Bộ anten phát	ca	0
	Hộp cách ly	ca	0
	Thiết bị, phụ kiện	ca	0.292
	Máy phân tích tín hiệu FSV	ca	0.063
	Máy tạo điều kiện tới hạn (Tủ nhiệt)	ca	0
	Phòng âm	ca	0.073

Hao phí trực tiếp đối với thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự ở điều kiện tới hạn:

Tên sản phẩm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự (Điều kiện tới hạn)	Vật liệu		
	Giấy A4	Ream	0.160
	Mực in	Ream	0.160
	Điện (thực hiện đo kiểm)	kWh	8.738
	Điện (vận hành điều hòa nhiệt độ)	kWh	13.433
	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 3/9	công	0.500
	Kỹ sư bậc 5/9	công	0.042
	Ca máy		
	Máy tính chuyên dụng	ca	0.156
	Máy in	ca	0
	Thiết bị đo vô tuyến và audio CMA180	ca	0.313
	Máy tạo tín hiệu vector	ca	0
	Máy tạo tín hiệu liên tục CW	ca	0
	Bộ anten thu	ca	0
	Bộ anten phát	ca	0
	Hộp cách ly	ca	0
	Thiết bị, phụ kiện	ca	0.313
	Máy phân tích tín hiệu FSV	ca	0
	Máy tạo điều kiện tới hạn (Tủ nhiệt)	ca	0.313
	Phòng âm	ca	0